

LÊ A

# Chữ viết và dạy Chữ viết

## Ở TIỂU HỌC

abcde  
*abcde*  
opqstuv  
abcde



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

<http://meulun.bopto.org>

LÊNA

# Chữ viết và dạy chữ viết Ở TIỂU HỌC

[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

*(In lần thứ tư)*

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

<https://tieulun.hopto.org>

Tron Bo SGK: <https://bookgiaokhoa.com>



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

---

---

Mã số: 01.01.195/1503 - ĐH 2011

## MỤC LỤC

	Trang
<b>Lời nói đầu</b> .....	<b>5</b>
<b>Phần thứ nhất</b>	
<b>CHỮ VIẾT VÀ CHỮ VIẾT TIẾNG VIỆT</b> .....	<b>7</b>
I. Khái lược về chữ viết .....	7
1. Sự xuất hiện của chữ viết .....	7
2. Vai trò của chữ viết .....	11
II. Chữ viết tiếng Việt .....	13
1. Giả thuyết về một thứ chữ viết cổ xưa của người Việt .....	13
2. Chữ Nôm, sản phẩm của nền văn hoá và ý thức dân tộc .....	14
3. Chữ Quốc ngữ, thành tựu đặc sắc của tiếng Việt hiện đại .....	15
<b>Phần thứ hai</b>	
<b>DAY CHỮ VIẾT Ở TIỂU HỌC</b> .....	<b>25</b>
<b>A. Day tập viết ở Tiểu học</b> .....	<b>25</b>
I. Những vấn đề chung về dạy tập viết ở trường tiểu học .....	25
1. Vị trí và yêu cầu của việc dạy tập viết ở Tiểu học .....	25
2. Chương trình và các tài liệu dạy học tập viết .....	29
3. Những nguyên tắc và phương pháp dạy tập viết .....	43
II. Tổ chức dạy tập viết ở Tiểu học .....	49
1. Vấn đề dạy viết trong các hệ thống dạy học văn và các tư liệu nghiên cứu về phương pháp dạy tập viết .....	49
2. Những cơ sở khoa học của việc rèn luyện kỹ năng tập viết cho học sinh Tiểu học .....	59
3. Những điều kiện chuẩn bị cho việc dạy tập viết .....	72
4. Luyện tập viết các nét cơ bản .....	79
5. Tập viết chữ thường .....	81
6. Tập viết liền nét giữa các chữ cái để tạo thành chữ ghi tiếng .....	93
7. Cách viết dấu phụ và dấu thanh .....	99
8. Cách viết các chữ số cơ bản từ 0 đến 9 .....	103
9. Luyện viết chữ hoa .....	106
<b>B. dạy chính tả ở Tiểu học</b> .....	<b>113</b>
I. Vị trí, tính chất, nhiệm vụ của phân môn chính tả ở Tiểu học .....	113
1. Vị trí của phân môn Chính tả .....	114
2. Nhiệm vụ của phân môn Chính tả .....	115

II. Chương trình và sách giáo khoa dạy chính tả	116
1. Chương trình	116
2. Sách giáo khoa	117
III. Cơ sở khoa học của việc dạy chính tả	119
1. Cơ sở tâm lí học	119
2. Cơ sở ngôn ngữ học	121
IV. Một số nguyên tắc dạy chính tả	122
1. Nguyên tắc dạy chính tả theo khu vực	122
2. Nguyên tắc kết hợp chính tả có ý thức với chính tả không có ý thức	123
3. Nguyên tắc phối hợp giữa phương pháp tích cực với phương pháp tiêu cực (xây dựng cái đúng, loại bỏ cái sai)	125
V. Tổ chức dạy các kiểu bài chính tả	126
1. Dạy bài Tập chép	126
2. Dạy bài "Chính tả nghe đọc"	128
3. Dạy bài "Chính tả trí nhớ"	130
4. Dạy bài "Chính tả so sánh"	131
VI. Về chính tả phương ngữ trong chương trình tiểu học	132
1. Một số cách tiếp cận khác nhau với chính tả phương ngữ	133
2. Xác định nội dung dạy học chính tả phương ngữ cho học sinh Tiểu học	140
3. Phát huy tinh chủ động tích cực của học sinh trong dạy học chính tả phương ngữ	145
4. Lựa chọn thủ pháp dạy học phù hợp với chính tả phương ngữ	149
5. Các kiểu bài học chính tả phương ngữ	155

## LỜI NÓI ĐẦU

**C**hữ viết là sáng tạo kì diệu của con người. Sự xuất hiện chữ viết đánh dấu một giai đoạn phát triển về chất của một ngôn ngữ. Chữ viết ra đời góp phần ổn định hoá ngôn ngữ âm thanh, mở rộng phạm vi hoạt động ngôn ngữ từ nghe, nói sang đọc, viết. Chữ viết chấp cánh cho chúng ta vượt qua mọi hạn chế về thời gian, không gian cũng như mọi hạn chế khác nảy sinh trong giao tiếp. Có lẽ vì tác dụng vô cùng to lớn này của chữ viết mà các cụ ta ngày xưa nghĩ rằng chữ viết là do Trời ban phát và gọi là chữ Thành, chữ Thần.

Biết đọc, biết viết thì cả một thế giới mới rộng lớn mênh mông mở ra trước mắt các em. Học chữ là công việc đầu tiên khi các em đến trường và được tiến hành thường xuyên trong suốt cả mười hai năm học phổ thông. Vì vậy, dạy chữ chính là dạy người.

Chữ viết và dạy chữ viết được cả xã hội quan tâm. Nhiều thế hệ thầy giáo, cô giáo đã trần trụi góp nhiều công sức cải tiến kiểu chữ, nội dung cũng như phương pháp dạy chữ viết. Tuy vậy, học sinh vẫn viết sai, viết xấu và viết rất chậm. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng học tập tiếng Việt nói riêng, học các môn khác nói chung. Cuối “Chữ viết và dạy chữ viết ở Tiểu học” ra đời muốn góp thêm một giải pháp cụ thể nhằm khắc phục tình trạng non yếu trên.

Sách gồm hai phần: Chữ viết và chữ viết tiếng Việt, Dạy chữ viết ở Tiểu học.

*Phần thứ nhất cung cấp cho độc giả những hiểu biết khái quát về sự ra đời, phát triển của chữ viết nói chung và chữ viết tiếng Việt nói riêng và những đặc trưng chủ yếu của chữ Quốc ngữ ảnh hưởng trực tiếp đến việc dạy học chữ viết. Phần thứ hai đi sâu vào trình bày yêu cầu, nội dung, nhiệm vụ và cách thức dạy chữ viết ở Tiểu học*

*Cuốn “Chữ viết và dạy chữ viết ở Tiểu học” có thể làm tài liệu tham khảo bổ ích để giảng dạy chuyên đề, để tham khảo cho sinh viên và đồng đạo các bạn giáo viên cũng như những ai quan tâm đến dạy chữ viết ở Tiểu học.*

*Để cuốn sách ngày có chất lượng cao hơn, chúng tôi mong muốn nhận được sự góp ý của bạn đọc.*



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Tác giả

## CHỮ VIẾT VÀ CHỮ VIẾT TIẾNG VIỆT

### I. KHÁI LƯỢC VỀ CHỮ VIẾT

#### 1. Sự xuất hiện của chữ viết

Thuật ngữ *chữ viết* chỉ chung hệ thống kí hiệu dùng để ghi lại ngôn ngữ. Nếu ngôn ngữ là một hệ thống kí hiệu thì chữ viết là kí hiệu của kí hiệu. Chữ viết có quan hệ mật thiết với ngôn ngữ nhưng không thể đồng nhất ngôn ngữ với chữ viết. Nhiều người không biết chữ nhưng vẫn có ngôn ngữ như thường. Về mặt lịch sử, ngôn ngữ xuất hiện cùng với xã hội loài người, nhưng cho đến nay nhiều ngôn ngữ vẫn chưa có chữ viết. Chữ viết chỉ ra đời khi loài người đã phát triển tới trình độ cao. Ăngghen viết: “Giai đoạn này bắt đầu với việc nấu quặng sắt và chuyên qua thời đại văn minh với việc sáng tạo ra chữ viết có vần và việc sử dụng chữ để ghi lời văn”<sup>1</sup>.

Việc tìm tòi xây dựng chữ viết ở buổi đầu lịch sử loài người là một quá trình gian khổ và đầy sáng tạo. Bước chuẩn bị cho quá trình nảy sinh đó đã kéo dài hàng triệu năm. Việc xuất hiện chữ viết đầu tiên này khác với việc đặt chữ viết cho một ngôn ngữ đã biết. Để làm xong việc này, hiện nay các nhà khoa học chỉ cần vài năm, thậm chí là vài tháng.

Vậy chữ viết, thứ công cụ kì diệu của sinh hoạt văn hoá loài người đã nảy sinh như thế nào? Người xưa cho rằng chữ viết là của báu Trời ban ặng. Các vị thần đã vâng mệnh Trời sáng tạo ra chữ

---

<sup>1</sup> P.Ăngghen: *Lut-vích Phơ bách và sự Cáo chung của nền triết học cổ điển Đức*.



viết cho loài người. Truyền thuyết Ai Cập cổ đại kể rằng: Ngày xưa có vị thần mang lông chim đã dùng “chữ” kì lạ viết lên bãi cát sông Nin nhiều điều kì diệu để dạy bảo người đời. Đó chính là thứ chữ Thánh của Ai Cập. Theo người Trung Hoa cổ đại thì Thương Hiệt sử gia của hoàng đế, đầu rồng, bốn mắt sáng như đèn, miệng to như cái chậu đã sáng tạo ra chữ viết. Lúc ông tạo ra chữ viết, gạo trên trời tuôn ra như mưa, đâu đâu cũng thấy quỷ khóc ma kêu... Người Do Thái cổ tin là họ có thứ “chữ linh thiêng” khác biệt với chữ của thế tục. Người Nhật thì cho rằng trước khi dùng chữ Hán, họ đã có thứ chữ riêng, chữ thần (Kami-yo-ro-moji). Người Ấn Độ cũng có chữ của Thánh thần... Thần thánh hoá chữ viết, người xưa tự giải thích, đánh giá cái thành tựu văn hoá vĩ đại ấy dựa theo những “khái niệm mơ hồ nguyên thủy nhất của con người về bản thân họ và về thiên nhiên xung quanh họ”<sup>1</sup> của con người thời xưa.

Cũng như ngôn ngữ, chữ viết ra đời theo yêu cầu của xã hội loài người, hình thành trên cơ sở những thành quả lao động chân tay và trí óc. Tiền thân gần gũi của nó chính là những hình vẽ mang ý nghĩa thực thể hoặc tượng trưng. Những hình vẽ được tìm thấy trên vách núi, trong hang động, thạch động của người xưa có thể đảm nhận được chức năng thông tin, giúp ngôn ngữ nói khắc phục được phần nào những hạn chế về mặt không gian, thời gian và sự khác biệt nhau về ngôn ngữ. Chúng chính là tiền thân của chữ viết.

Tuy nhiên, công cụ tiền thân của ngôn ngữ có rất nhiều hạn chế bởi chỉ có thể vẽ được thực thể còn các khái niệm trừu tượng thì sự gợi ý của hình vẽ rất mơ hồ và nhiều trường hợp không thể vẽ nổi. Hơn nữa, đã là hình vẽ thì có thể vẽ nhiều cách với kích thước, mức độ khác nhau và “người đọc” cũng rất có thể hiểu khác nhau. Lịch sử đã cho chúng ta những thí dụ nổi tiếng, chẳng hạn như bức thư của bộ tộc Xi-tơ gửi cho vua Ba Tư. Đó là thông điệp tỏ rõ quyết

---

<sup>1</sup> Theo A.Côn-đơ-ra-tốp. Âm thanh và tín hiệu. M. 1968.

tâm chống lại quân xâm lược và quét sạch chúng. Nhưng vua Đa-ri-út, trùmxâm lược đương thời lại hiểu đó là bức thư xin đầu hàng. Hấn giải thích cho quần thần nghe rằng người Xi-tơ tự nguyện dâng cả vùng trời (tượng trưng bằng con chim), mặt đất (tượng trưng bằng con huột dũi), sông nước ao hồ (tượng trưng bằng con ếch) và toàn bộ lực lượng vũ trang (tượng trưng bằng 5 mũi tên với vòng tròn). Sự hiểu nhầm của Đa-ri-út đã được cải chính bằng cuộc chiến đấu chống xâm lăng đẫm máu của người Xi-tơ.

Nhằm khắc phục những nhược điểm trên, người xưa đã cải tiến các hình vẽ ấy sao cho ngày càng đơn giản hơn và ổn định hơn. Sau đó trên cơ sở cố định ấy, người ta gắn mỗi hình vẽ với một kết cấu ngữ âm để biểu thị một từ nhất định trong ngôn ngữ với một ý nghĩa nhất định. Như vậy, hình vẽ thông tin đó đã có âm đọc, có ý nghĩa. Và thế là chữ viết đầu tiên đã ra đời, đó là chữ tượng hình - ghi ý (vừa mô tả hình dáng vừa biểu đạt ý nghĩa ẩn tàng trong hình dáng).

Chữ tượng hình ghi ý đã bắt đầu ghi được những khái niệm trừu tượng nhưng vẫn còn rất nhiều khái niệm khó có thể biểu đạt bằng con đường này. Nhược điểm cơ bản khác của loại chữ này là mỗi chữ biểu thị một từ trọn vẹn cho nên số chữ sẽ rất nhiều mà khả năng ghi nhớ của con người thì có hạn. Để khắc phục nhược điểm này người ta đã bổ sung thêm một số nguyên tắc khác vào những nguyên tắc chữ ghi ý. Chẳng hạn đối với chữ Hán và chữ Nôm, người ta đã sử dụng một số biện pháp: hội ý, (ghép hai chữ đã có để tạo chữ thứ ba nhằm biểu thị chữ thứ ba. Nghĩa của từ thứ ba được gợi ý từ nghĩa của hai từ đầu), hình thanh (ghép hai chữ đã có để tạo chữ thứ ba, trong đó một chữ nhắc đến nghĩa còn chữ kia gợi đến âm của chữ thứ ba), chuyển chú (lấy một chữ đã có để biểu thị một từ khác trên cơ sở hai từ có mối liên hệ nghĩa), giả tá (lấy một chữ đã có để biểu thị một từ khác đồng âm hoặc gần âm).

Dù đã bổ sung nhưng hệ thống chữ ghi ý vẫn rất cồng kềnh. Bởi vậy, nhiều ngôn ngữ đã chuyển sang một loại chữ khác - chữ ghi âm.

Chữ ghi âm, là loại chữ không biểu thị ý nghĩa của từ mà biểu thị tín hiệu chuỗi âm thanh nối tiếp ở trong từ. Có hai loại chữ ghi âm: chữ ghi âm tiết và chữ ghi âm tố.

Chữ ghi âm tiết là kiểu chữ mà mỗi kí hiệu biểu thị một âm tiết trong từ (chữ Atsri-Babilon, Triều Tiên, Nhật Bản). So với chữ ghi ý, số lượng chữ trong chữ ghi âm tiết bé hơn nhiều.

Chữ ghi âm tố là kiểu chữ mà mỗi kí hiệu biểu thị một âm tố trong từ. Chữ ghi âm tố đầu tiên chỉ là chữ ghi phụ âm bởi chữ này xuất hiện ở loại ngôn ngữ mà ở đó các phụ âm biểu thị các căn tố, còn nguyên âm luân phiên giữa chúng biểu thị các dạng thức ngữ pháp. Trong các ngôn ngữ này, chữ cái biểu thị phụ âm và một vài dấu phụ biểu thị nguyên âm (tiếng Ai Cập cổ).

Giai đoạn tiếp theo của chữ ghi âm tố là chữ ghi cả phụ âm lẫn nguyên âm. Chữ Hi Lạp cổ có 24 chữ cái ghi 17 phụ âm và 7 nguyên âm. Hệ thống chữ cái này tương ứng một cách chặt chẽ với hệ thống âm vị của nó. Trên cơ sở chữ cổ Hi Lạp, đã hình thành nên chữ Latinh thời La Mã cổ và chữ Kirin. Hai loại chữ này là nguồn gốc của các chữ châu Âu hiện nay. Chữ Quốc ngữ của chúng ta cũng thuộc loại chữ ghi âm tố, bắt nguồn từ hệ thống chữ Latinh.

So với chữ ghi ý, chữ ghi âm (đặc biệt là chữ ghi âm tố) có ưu thế hơn hẳn.

- Số lượng các chữ trong chữ ghi âm, đặc biệt là chữ ghi âm tố giảm xuống hàng trăm lần. Nhờ vậy con người có thể dễ rắm cách đọc và cách viết một cách dễ dàng.

- Chữ ghi âm bảo đảm ghi lại một cách chính xác và chặt chẽ nội dung của các câu nói, các cấp độ kết cấu của chúng như thành

phần âm tố, thành phần từ vựng - ngữ nghĩa, các yếu tố hình thái và cú pháp... Do đó, người đọc nắm bắt chính xác cả nội dung lẫn hình thức lời nói của người viết.

## 2. Vai trò của chữ viết

Chữ viết đóng vai trò to lớn trong sự phát triển của xã hội loài người. Ngôn ngữ âm thanh, một thành tựu kì diệu của con người vẫn có những hạn chế nhất định. Phương tiện vật chất của ngôn ngữ là âm thanh, mà tai nghe của con người chỉ có tác dụng trong một khoảng không gian nhất định nên ở xa không thể nghe được. Ở cùng một chỗ tuy nghe được nhưng lại nảy sinh hạn chế khác. Mỗi lời nói chỉ được thu nhận lúc phát ra, sau đó không còn nữa. Khẩu thiệt vô bằng, lời nói gió bay, người đời có thể quên đi và cũng có thể cố tình quên vì nhiều lí do khác nhau. Như vậy, ngôn ngữ âm thanh bị hạn chế cả không gian lẫn thời gian. Với máy móc và phương tiện hiện đại, loài người có thể khắc phục được nhược điểm này nhưng các phương tiện đó chưa được phổ biến ở mọi lúc, mọi nơi, mọi lĩnh vực.

Chữ viết dựa trên ấn tượng về thị giác nên nó có thể vượt qua được hạn chế thời gian và hiện tượng “tam sao thất bản”. Nhờ chữ viết, người đời sau hiểu được người đời trước, người đời trước có thể nhắc nhở người đời sau. Không phải ngẫu nhiên trong tiến trình phát triển của loài người mà người ta gọi thời kì có chữ viết là giai đoạn lịch sử còn trước đó là giai đoạn tiền sử hoặc dã sử. Ngày nay chúng ta hiểu được Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du và thời đại của các ông bởi chúng ta được đọc *Hịch tướng sĩ*, *Bình Ngô đại cáo*, *Truyện Kiều*, v.v... Nhiều người trong chúng ta vinh dự được trực tiếp nghe cố Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc Di chúc của Bác Hồ chính nhờ có chữ viết, những lời di chúc ấy có thể đến với tất cả người dân Việt Nam, tất cả nhân dân thế giới. Bản Di chúc của Người sẽ còn mãi mãi với các thế hệ con cháu mai sau.

Chữ viết còn phát huy được tác dụng ngay cả trong các trường hợp không dùng ngôn ngữ bằng lời được, ví dụ không muốn cho người thứ ba biết hoặc giữ bí mật với chính bản thân người thứ hai trong một thời điểm nhất định. Chắc nhiều người còn nhớ câu chuyện giữa Khổng Minh và Ngụy Diên trong Tam quốc chí. Khổng Minh biết Ngụy Diên sớm muộn thế nào cũng làm phản nhưng không thể nói trước tất cả những gì chưa xảy ra. Trước khi mất, ông còn để lại cho Khương Duy một “Cẩm nang” đợi khi Diên làm phản mới được mở ra xem. Về sau Ngụy Diên làm phản thật. Lúc bấy giờ “Cẩm nang” được mở ra với lời dặn dò của đại quân sư: Hãy thách Ngụy Diên đứng trước ba quân hét to ba lần: “Ai dám giết ta! Ai dám giết ta! Ai dám giết ta!” Quả nhiên, Ngụy Diên chưa dứt lời thì bị Mã Đại từ đằng sau xông lên chém đầu.

Trên đây, chúng ta mới chỉ phân tích tác dụng của chữ viết đối với việc biểu đạt thông tin. Vai trò của chữ viết còn thể hiện trong quan hệ với ngôn ngữ. Khi chưa có chữ viết, hoạt động ngôn ngữ chỉ dừng lại ở dạng nói, tức là nghe và nói. Có chữ viết, hoạt động ngôn ngữ có thêm một dạng mới - dạng viết: viết và đọc. Càng ngày hoạt động viết và đọc càng thịnh hành, là tiêu biểu cho hoạt động ngôn ngữ văn hoá. Ngôn ngữ phát triển đến một trình độ nào đấy thì mới xuất hiện chữ viết. Đến lượt mình, chữ viết góp phần vào sự phát triển của chính bản thân ngôn ngữ. Trước hết, chữ viết góp phần cố định hoá ngôn ngữ âm thanh, lưu giữ lại những sáng tạo kì diệu về mặt ngôn ngữ của các thế hệ trước cho các thế hệ sau kế thừa và phát triển. Chữ viết còn là một phương tiện làm cho việc giáo dục ngôn ngữ được thực hiện thuận lợi. Điều này giải thích tại sao nhiều dân tộc đều đặt ra nhiệm vụ xoá nạn mù chữ cho toàn dân, tại sao ở bậc Tiểu học, việc học đọc, học viết lại được ưu tiên số một.

## II. CHỮ VIẾT TIẾNG VIỆT

### 1. Giải thuyết về một thứ chữ viết cổ xưa của người Việt

Theo truyền thuyết và dã sử, từ thời xa xưa, người Việt Nam đã có chữ viết. Thứ chữ viết này đã được nhắc đến và miêu tả qua một số tài liệu trong và ngoài nước. Hãy lấy truyện *Mộng kí* trong *Thánh Tông di thảo* làm ví dụ. Truyện viết: vua Lê Thánh Tông đi chơi gặp nưa, nghỉ đêm ở cạnh hồ Trúc Bạch, mộng thấy hai người con gái thi Lý Cao Tông hiện lên dâng tấu thư bày tỏ nỗi oan ức bằng một bài thơ ngũ ngôn tuyệt cú chữ Hán và một tờ giấy tấu bằng chữ bản địa có “bảy mươi một chữ” ngoằn ngoèo. Vua không đọc được và suốt trong ba năm, quân thần cũng không ai đọc được. Thế rồi, nà vua lại mộng thấy có người hiện lên giảng giải: “Lối chữ ấy là lối chữ cổ của nước Nam. Nay Mường Mán ở núi rừng có người còn đọc được, nhà vua với họ đến thì khắc biết”. Điều ghi chép về lại hình chữ viết trong thiên truyện này trùng với ghi chép trong một tài liệu cổ sử Trung Hoa. Sách *Tiền Hán thư* viết: “Đời Đào Đường có họ Việt ở phương Nam cư sử già qua nhiều lớp phiên dịch vào triều biểu con rùa thần, có lẽ đã sống tới nghìn năm, trên lưng nó khắc chữ như con nòng nọc, ghi việc trời đất mở mang. Vua Nghiêu sai chép lấy gọi là *Quy dịch*”.

Trong *Thanh Hoá Quan phong* (thế kỉ XIX), Vương Duy Trinh luận bàn về chữ viết cổ của nước ta: “Tỉnh Thanh Hoá, một châu quan, có chữ là lối chữ thập châu đó. Người ta thường nói rằng: Nước ta không có chữ. Tối nghĩ không phải. Thập châu vốn là đất nước ta, tên châu còn có chữ, lẽ nào dưới chợ lại không. Lối chữ châu là lô chữ nước ta đó”<sup>1</sup>. Gần đây, qua chiếc trống đồng tìm thấy ở Lũng Cú, Đồng Văn, Hà Tiên<sup>2</sup> bên cạnh ngôi sao 12 cánh,

<sup>1</sup> Dẫn theo *Việt Nam cổ văn học sử* của Nguyễn Đông Chi.

<sup>2</sup> Xem bài *Chiếc trống đồng Ngọc Lũ* của Phan Hữu Đạt - Tạp chí *Khảo cổ học. Số đặc biệt trống đồng*. Tập 1 - 1974.

các hoa văn, người ta còn thấy những đường nét uốn lượn tạo thành các đường nét ngoằn ngoèo hoặc những vạch thẳng phối hợp với nhau thành những góc những hình. Phải chăng đó là dấu tích của chữ viết “ngoằn ngoèo như con nòng nọc”?

Để khẳng định giả thiết này còn cần phải nghiên cứu nhiều hơn nữa, đầy đủ hơn nữa.

## 2. Chữ Nôm, sản phẩm của nền văn hoá và ý thức dân tộc

Chữ Hán du nhập vào nước ta và đã trở thành văn tự chính thức trong giao dịch hành chính của các triều đại phong kiến. Tuy vậy, Chữ Hán vẫn không phải là “chữ ta”. Rất nhiều tên người, tên núi, tên địa phương, tên cây hoa và các sản vật khác của ta không ghi hết được bằng chữ Hán bởi một số khuôn hình ngữ âm tiếng Việt không tìm thấy trong tiếng Hán. Bên cạnh đó, sự thôi thúc của yêu cầu phải có một thứ chữ riêng để ghi chép lại tiếng nói - linh hồn và niềm tự hào của dân tộc, cũng là một động cơ thúc dục cho sự ra đời của “chữ ta”. Chữ Nôm đã ra đời nhằm đáp ứng những nhu cầu đó.

Nhìn chung, chữ Nôm là chữ viết ghi âm, sử dụng những chữ Hán hoàn chỉnh hoặc bộ phận chữ Hán được cấu tạo lại để ghi âm tiếng Việt theo nguyên tắc ghi âm tiết trên cơ sở âm Hán - Việt. Chữ Nôm không được giai cấp phong kiến thống trị coi là “quốc gia văn tự” trừ những năm tháng ngắn ngủi nhà Hồ và thời kì Tây Sơn. Tuy vậy, chữ Nôm đã góp phần đề cao ý thức dân tộc, là hình thức sáng tác của nhiều tác phẩm văn học bất hủ như: Thơ Nôm của Nguyễn Trãi trong *Quốc âm thi tập*, các truyện Nôm khuyết danh, thơ Nôm của Hồ Xuân Hương, Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Do không được giai cấp thống trị ủng hộ, lại do tính chất quá phức tạp của nó nên chữ Nôm cũng chỉ được lưu hành trong một

bộ phận hẹp, chưa đi được vào ngôn ngữ của nhân dân lao động. Cuối cùng, lịch sử quang vinh nhưng nhiều cay đắng của chữ Nôm đã chấm dứt với những truyền đơn vận động quần chúng làm cách mạng vào năm 1930 - 1931.

### 3. Chữ Quốc ngữ, thành tựu đặc sắc của tiếng Việt hiện đại

#### 3.1. Sự hình thành và phát triển chữ Quốc ngữ

##### a. Sự hình thành của chữ Quốc ngữ

Vào khoảng thế kỷ XVII, một số giáo sĩ phương Tây đã dựa vào bộ chữ cái Latinh để xây dựng một thứ chữ mới ghi âm tiếng Việt nhằm phục vụ cho việc truyền giảng đạo Thiên chúa. Đó là “chữ Quốc ngữ”. Công việc này chắc hẳn do nhiều người phương Tây thuộc các quốc tịch khác nhau cố gắng ở Việt Nam thời đó tiến hành và cố nhiên là đã phải trải qua một quá trình tìm tòi, mò mẫm khá lâu dài. Nhiều thế hệ Việt Nam cũng đã góp phần công sức quan trọng vào việc hoàn thiện thứ chữ viết mới này.

Chữ Quốc ngữ ở thời buổi đầu chưa phản ánh một cách khoa học cơ cấu ngữ âm tiếng Việt, còn chịu nhiều ảnh hưởng của cách ghi âm theo tiếng nước ngoài: Ví dụ: để ghi từ *sách* trong tiếng Việt, người ta đã từng viết *sayc*, để ghi từ *ông*, *nghe* người ta đã từng viết theo nhiều cách khác nhau: *unge*, *unguch*, *ounguch...* để ghi vần *ông*, có người đã viết *ou* (sõu = sông...). Tuy nhiên, nhờ có chữ Quốc ngữ của thời buổi đó, chúng ta cũng đã thấy được một số nét cổ xưa của tiếng Việt đương thời. Ví dụ:

xưa	nay
bó ngựa	vó ngựa
blái núi	trái núi
mlát chém	nhát (chém (lát))



Và dưới đây là một đoạn văn chữ Quốc ngữ hồi thế kỉ XVII trích trong cuốn: “Phép giảng tám ngày” của A-lêch-xăng Đơ-rốt:

“Ngày thứ nhứt (nhất): Ta cần cùn (cùng) đức chúa bời (trời) giúp sức cho ta biết tỏ tường (tỏ tường) đạo chúa là nhân (nhường) nào...”.

Trong vòng gần 2 thế kỉ tiếp theo, chữ Quốc ngữ được cải tiến dần từng bước và cuối cùng đã đạt tới hình thức ổn định và hoàn thiện như ngày nay. Chữ Quốc ngữ là chữ đơn giản về hình thể kết cấu, tiện lợi về mặt hành chức, sử dụng các chữ Latinh hầu như đã thông dụng trên toàn thế giới.

Ở chữ Quốc ngữ, giữa chữ và âm, giữa cách viết và cách đọc có sự phù hợp ở mức độ khá cao. Đó là những ưu điểm mà một số hệ thống chữ viết khác không có, tuy cũng sử dụng bộ chữ cái Latinh (ví dụ với chữ viết tiếng Anh) trong sách học tiếng hoặc từ điển, bên cạnh chữ viết, vẫn phải ghi chú cách đọc bằng một hệ thống kí hiệu khác). Với chữ Quốc ngữ, chỉ cần học thuộc bảng chữ cái và cách ghép vần (cũng không phức tạp lắm) là có thể đọc được tất cả mọi chữ trong tiếng Việt.

### *b. Quá trình vận động thành văn tự chính thức*

Lúc đầu, chữ Quốc ngữ chỉ là một công cụ truyền giáo được dùng để ghi chép công việc trong nhà thờ, in kinh bốn giáo lí, sử dụng chỉ hạn chế trong phạm vi các xứ đạo. Nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau, chữ Quốc ngữ ngày càng phổ biến rộng. Vào cuối thế kỉ XIX, đã xuất hiện các văn bản chữ Quốc ngữ ghi lại các truyện Nôm như *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên*, *Phan Trần*... Một số sách kinh điển Nho học dịch ra tiếng Việt như *Trung dung*, *Đại học*... cũng đã được in bằng chữ Quốc ngữ. Cũng vào thời kì này, một vài tác phẩm viết bằng chữ Quốc ngữ đã được lưu hành như: *Chuyện đời xưa*, *Chuyện khôi hài*, *Chuyện đi thăm Bắc kì năm Ất Hợi* (1876). Đầu thế kỉ XX, chữ Hán và chữ Nôm bị gạt bỏ. Việc sử

dụng chữ Quốc ngữ được đẩy mạnh. Trái với những sĩ phu lớp trước, những người yêu nước trong phong trào Duy tân đã thấy được ở chữ Quốc ngữ khả năng to lớn của một phương tiện mở mang dân trí.

Đồng khnh nghĩa thực - một tổ chức vận động cách mạng hồi đầu thế kỉ đã ra sức cổ động cho việc học tập và phổ biến chữ Quốc ngữ. Trong tài liệu *Văn minh tân học sách* do tổ chức này xuất bản, khi nêu 6 việc cần phải tiếp xúc để mở mang dân trí, việc phổ biến rộng rãi chữ Quốc ngữ được đưa lên hàng đầu.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng để giành độc lập, tự do cho dân tộc, Đảng ta rất chú ý đến việc phổ cập chữ Quốc ngữ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ với tổ chức là Hội truyền bá chữ Quốc ngữ được triển khai rộng rãi và thu được nhiều kết quả khả quan.

Tháng 3 năm 1945 cách mạng Việt Nam giành được thắng lợi rực rỡ, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Từ đó, tiếng Việt, chữ Quốc ngữ đã giành được địa vị độc tôn trong mọi lĩnh vực hoạt động của đất nước ta.

### **3.2. Vếtên gọi của các chữ cái chữ Quốc ngữ**

Chữ cái là đơn vị cơ bản của một hệ thống chữ viết ghi âm để ghi các kí hiệu âm thanh của ngôn ngữ làm cơ sở để phiên viết các từ ngữ. Có người tiếp nhận chúng qua cơ quan thị giác song mỗi chữ cái vẫn cần có một tên gọi nhất định để ta có thể nhắc tới chúng trong những trường hợp cần thiết. Chẳng hạn như trong một số trường hợp sau:

- Khi lần đọc thành tiếng các khối chữ viết tắt. Ví dụ: đọc các chữ khối viết tắt trong đoạn câu: “Căn cứ Thông tư số 45/TCCP - BCTL ngày 11/3/1996 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ..”.



- Khi cần gọi tên các đối tượng theo tên các chữ cái: súng trường CKC, tiểu liên AK, đội bóng đá hạng A, lớp 9 A, ...

- Khi cần phát biểu các quy tắc phiên âm chính tả hoặc dạy học sinh viết chữ cái. Ví dụ: phát biểu quy tắc phiên âm hai tiếng “quả cà”.

Về mặt nguyên tắc, một khi các chữ cái đã là đại diện cho các ký hiệu âm thanh ngôn ngữ thì khi cần gọi tên các chữ cái, người ta có thể dùng ngay cái âm mà chữ cái đó biểu thị. Ví dụ như trong bộ chữ cái Quốc ngữ, a, e, ê, u,... đại diện cho các âm | a, e, ê, u,... | nên chúng được gọi là: a, e, ê, u,... Tuy vậy, nguyên tắc này không thể áp dụng một cách triệt để được, chủ yếu bởi hai lý do sau:

Một là, chữ cái không bao giờ trùng khớp một cách tuyệt đối một đối một với ký hiệu âm thanh ngôn ngữ. Quay trở lại với chữ Quốc ngữ, điều này được thể hiện:

- Một chữ cái ghi nhiều âm: chữ a ghi âm / a / trong “ai”, ghi âm / ă / trong “ay”

- Một âm lại được ghi bằng nhiều chữ cái: âm / k / được ghi bằng ba con chữ khác nhau: c, k q trong các trường hợp: kéo cờ quả cà...

Rõ ràng trong trường hợp này cần phải lựa chọn cho mỗi chữ cái một tên gọi dứt khoát

Hai là, tên gọi của chữ cái phải có cấu tạo tối thiểu bằng một âm tiết mới có thể nghe được rõ ràng, thế nhưng các phụ âm lạ thường không thể nào tự mình làm thành một âm tiết. Trong trường hợp này, tên gọi của chúng phải được âm tiết hoá. Ví dụ chữ t gọi là “tê”, chữ c gọi là “xê”,...

Trong thế giới cổ đại, người La Mã có lẽ là những người đầu tiên đặt tên gọi cho các chữ cái theo nguyên tắc lấy âm mà chúng đại diện làm cơ sở. Những tên gọi đó đến nay vẫn được duy trì

trong bảng chữ cái Latinh: A (a), B (bê), H (ha), I (i), K (ka), L (ên lơ), M (êm mờ), N (ên nờ), O (ô), P (pê), Q (cu), R (êr rờ), S (ês si), T (tê), U (u), V (vê), X (lks), Y (ypsillon), Z (zê).

Ngày nay, bộ chữ cái Latinh được sử dụng làm văn tự của nhiều nước trên thế giới. Các nước sử dụng bộ chữ cái này đều tôn trọng trật tự đã được quy định giữa các chữ cái và về cơ bản vẫn duy trì tên gọi của chúng. Việc gọi tên các chữ cái trên thực tế đã tuân theo hai nguyên tắc chung sau đây:

1) Các chữ cái ghi nguyên âm được gọi tên theo nguyên âm mà chúng biểu thị. Trong trường hợp một chữ cái biểu thị nhiều nguyên âm khác nhau thì gọi tên chữ cái ấy theo nguyên âm chính mà nó biểu thị.

2) Đối với các chữ cái phụ âm, tên gọi của chúng được âm tiết hoá gồm phụ âm kết hợp với nguyên âm. Nguyên âm đó thông thường là / e /, trong một vài trường hợp cần thiết cho sự phân biệt, có thể thêm một số yếu tố phụ vào trước hoặc sau phụ âm đó.

Tuân theo những nguyên tắc chung có tính chất quốc tế đó, khi đặt tên cho chữ cái của một ngôn ngữ cụ thể, người ta đồng thời cũng cố gắng bảo đảm những yêu cầu cơ bản sau đây:

- Tên gọi các chữ cái không nên xa lạ đối với những đặc điểm phát âm của người bản ngữ.
- Thể hiện được khả năng khu biệt tối đa tên gọi của các chữ cái.
- Cố gắng bảo đảm tính hệ thống và tính cân đối giữa các tên gọi các chữ cái
- Gọi tên các chữ cái sao cho thuận tiện đối với thực tiễn phiên âm, đánh vần. Muốn vậy, tên gọi chữ cái nên có cấu tạo đơn tiết và phản ánh được âm mà nó biểu thị.